



jié bīng

结冰

verb · to freeze

Example Sentence

zài jié bīng de rén xíng dào shàng tā yí gè liàng qiàng jiù shuāi dǎo le
在结冰的人行道上，他一个踉跄就摔倒了。

On the icy sidewalk, he stumbled and fell down.

Trace each character, then write the word on your own.

结	结	结	结	结	结	结	结	结	结	结
结										

冰	冰	冰	冰	冰	冰	冰	冰	冰		
